**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

**SINH VIÊN VỀ MÔN HỌC THỰC HÀNH**

**THEO PHƯƠNG THỨC 2**

**HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2016 - 2017**

***Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2017***

**A. TỔNG QUAN**

**1. Mục đích khảo sát**

* Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường; xây dựng đội ngũ giảng viên (GV) có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;
* Tạo thêm kênh thông tin từ phía người học giúp GV tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn của GV trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
* Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV;
* Góp phần triển khai công tác tự đánh giá - kiểm định chất lượng trong nhà trường;
* Giúp cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Ban có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá GV, phân công giảng dạy, có kế hoạch bồi dưỡng, bố trí công tác, khen thưởng kỷ luật GV.

1. **Quy trình khảo sát**
   1. **Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Sinh viên (SV) đại học hệ đào tạo chính quy, cử nhân tài năng, chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao của Trường Đại học Công nghệ Thông tin – ĐHQG-HCM

* 1. **Hình thức**

Khảo sát trực tuyến, hệ thống khảo sát gửi link khảo sát [https://student.uit.edu.vn](https://student.uit.edu.vn/) đến từng SV theo danh sách môn học đã đăng ký, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn.

* 1. **Thời gian thực hiện**

- Thời gian khảo sát: 23/12/2016 – 20/01/2017

- Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 06/02/2017 – 20/02/2017

- Viết báo cáo: 21/02/2017 – 07/03/2017

* 1. **Công cụ khảo sát**

Để xây dựng bảng khảo sát, phòng TT-PC-ĐBCL đã tham khảo nhiều mẫu khảo sát của các trường đại học. Đồng thời bảng khảo sát đã được ý kiến đóng góp của các CB-GV-NV trong trường.

Bảng khảo sát môn học thực hành theo PT2 gồm 8 câu hỏi tập trung đánh giá các nhóm nội dung gồm: Hình thức tổ chức môn học; hoạt động giảng dạy của GV; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Các câu hỏi trong bảng khảo sát được xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ là:

* *Mức 1:* Chưa Tốt/Hài lòng 1 điểm
* *Mức 2:* Bình thường 2 điểm
* *Mức 3:* Tốt/Hài lòng 3 điểm
* *Mức 4:* Rất Tốt/Hài lòng 4 điểm

**B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

1. **Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học đăng ký**

Trường quy định SV về việc đăng ký môn học (*bao gồm các môn học lý thuyết, thực hành PT 1, thực hành PT 2*) như sau: SV đăng ký từ 4 môn học trở xuống phải thực hiện khảo sát tất cả các môn học đã đăng ký; SV đăng ký trên 4 môn học, thực hiện khảo sát ít nhất 50% số môn học đã đăng ký.

Kết quả thu được từ 2981/3564 SV (83.6%) tham gia khảo sát ở HKII năm học 2015 - 2016 cho thấy phần lớn SV đều thực hiện khảo sát 100% môn học đã đăng ký, chỉ có 3 SV đăng ký <= 4 môn học (0.3%) và 29 SV đăng ký > 4 môn học (1.6%) thực hiện dưới 50% số môn học đã đăng ký.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỉ lệ môn học  đã thực hiện** | **SV đăng ký <= 4 môn học**  **(N= 1138)** | | **SV đăng ký > 4 môn học**  **(N= 1843)** | |
| Số lượng | Tỉ lệ | Số lượng | Tỉ lệ |
| **100%** | 1122 | 98.6% | 1733 | 94% |
| **50% - <100%** | 13 | 1.1% | 81 | 4.4% |
| **< 50%** | 3 | 0.3% | 29 | 1.6% |

*Bảng 1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học*

1. **Thực trạng số phiếu và thông tin đã khảo sát**

Theo thống kê từ Phòng Đào tạo Đại học, học kỳ I năm học 2016 - 2017 toàn trường có 36 môn học thực hành theo PT 2 (83 lớp) với 42 GV tham gia giảng dạy. Số lượt SV đăng ký tham gia các môn học là 4400 lượt. Sau đây là bảng thống kê chi tiết tình hình khảo sát.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoa/**  **Bộ môn** | **Số lượng  môn học** | | **Số lượng lớp** | | **Số lượng  Giảng viên** | | **Số lượng Sinh viên** | | |
| *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Theo TKB* | *Thực tế khảo sát* | *Tỷ lệ*  *(%)* |
| CNPM | 8 | 8 | 24 | 24 | 13 | 13 | 1542 | 1095 | **71.0** |
| HTTT | 5 | 5 | 13 | 13 | 5 | 5 | 572 | 451 | **78.8** |
| KHMT | 14 | 14 | 29 | 29 | 14 | 14 | 1164 | 877 | **75.3** |
| KTTT | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 2 | 157 | 108 | **68.8** |
| MMT&TT | 6 | 6 | 14 | 14 | 7 | 7 | 965 | 664 | **68.8** |
| **Tổng cộng** | **36** | **35** | **83** | **82** | **42** | **41** | **4400** | **3195** |  |
| **Tỷ lệ (%)** |  | **97.2** |  | **98.8** |  | **97.6** |  | **72.6** |  |

*Bảng 2. Bảng thống kê về thực trạng số phiếu khảo sát*

*Biểu đồ 1. Thống kê số SV theo lượt đăng ký và thực tế trả lời qua các năm*

**Học lực của SV**

*Biểu đồ 2. Học lực của SV*

**Thời gian lên lớp của SV:**

*Biểu đồ 3. Thời gian lên lớp của SV (%)*

1. **Kết quả khảo sát**

**3.1. Tỷ lệ SV đánh giá các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV**

Học kỳ này có 79 lớp (96.3%) có tỷ lệ SV tham gia khảo sát >=50% (HKII, 2015-2016: 100%); 3 lớp (3.7%) có tỷ lệ SV tham gia khảo sát < 50%.

Theo quy định, nhiệm vụ của GV ở các môn học thực hành PT2 là đảm bảo việc hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho SV một cách thường xuyên, nhanh chóng nhằm giúp SV hoàn thành các bài tập, đồ án của môn học.

Nhìn chung, tỷ lệ hài lòng của SV đối với các tiêu chí về hoạt động của GV ở học kỳ này không đổi so với học kỳ HKII, 2015-2016 **(84.5% đến 88.2%)**, tuy nhiên giảm nhẹ so với tỷ lệ của HKI, 2015-2016 (**86.8% đến 89.2%**). Các tiêu chí được SV đánh giá ở mức độ Tốt/Hài lòng và Rất tốt/hài lòng với tỷ lệ từ **84.7% đến 88.3%**. Trong đó:

* Tiêu chí số 6- *Giảng viên có quy định về thời gian nộp đồ án, bài tập hoặc báo cáo cho sinh viên* có tỷ lệ SV hài lòng cao nhất với 88.4%.
* Tiêu chí số 5- *Giảng viên thường xuyên sử dụng moodle, email, forum, hoặc trang web cá nhân để trao đổi với sinh viên về đồ án, bài tập thực hành* là tiêu chí có tỷ lệ hài lòng thấp nhất với 84.7% SV lựa chọn.
* Các tiêu chí còn lại có mức hài lòng tập trung từ 84.8% đến 86.2%.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành PT 1 gồm có 8 câu hỏi (tiêu chí). Kết quả khảo sát theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí (Câu hỏi)** | **Không ý kiến** | **Chưa tốt/hài lòng** | **Bình thường** | **Tốt/Hài lòng** | **Rất tốt/hài lòng** |
| 1 | GV có gặp SV (tối thiểu 3 buổi học tập trung) theo quy định đã thông báo |  | | | | |
| 2 | GV trả lời các câu hỏi của sinh viên một cách nhanh chóng (trong vòng 24 giờ) |  | | | | |
| 3 | Bài tập, đồ án phù hợp với nội dung của môn học |  | | | | |
| 4 | GV cung cấp các tài liệu đầy đủ trong quá trình thực hiện đồ án, bài tập thực hành |  | | | | |
| 5 | GV thường xuyên sử dụng moodle, email, forum, hoặc trang web cá nhân để trao đổi với sinh viên về đồ án, bài tập thực hành |  | | | | |
| 6 | GV có quy định về thời gian nộp đồ án, bài tập hoặc báo cáo cho sinh viên |  | | | | |
| 7 | SV hài lòng với cách hướng dẫn của giảng viên trong việc thực hiện đồ án, bài tập của môn thực hành |  | | | | |
| 8 | GV đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hiện đồ án, bài tập thực hành của SV |  | | | | |

*Bảng 2. Tỷ lệ SV đánh giá theo từng tiêu chí (%)*

Sau đây là biểu đồ phân bố điểm cao nhất, thấp nhất của các lớp theo 8 tiêu chí ở học kỳ này và HKII, 2015-2016:

*Biểu đồ 4. Điểm trung bình, min, max của 8 tiêu chí*

*Biểu đồ 5. Điểm trung bình, min, max của 8 tiêu chí HKII, 2015-2016*

* 1. **Kết quả đánh giá của SV theo từng GV**

Điểm trung bình cụ thể của từng GV theo lớp được đính kèm trong phần Phụ lục.

Có 69/79 GV (87.3%) được SV đánh giá từ 3 điểm trở lên ở tất cả các tiêu chí (3.0🡪 3.9 điểm, hài lòng/ tốt🡪 rất hài lòng/ tốt) **(HKII, 2015-2016: 81.7%)**; không có GV nào có điểm đánh giá < 3 ở tất cả các tiêu chí.

So với học kỳ trước, tỷ lệ GV có điểm trung bình >= 3 tăng, có 76/79 GV (96.2%) có điểm trung bình >= 3.0 điểm; 3 GV (3.8%) có điểm trung bình <3.0 điểm. Trong đó, điểm trung bình cao nhất là 3.9 của **GV Lê Thanh Trọng** (SE114.H11.PMCL.1); điểm trung bình thấp nhất là 2.8 của **GV Phạm Nguyễn Trường An** (CS112.H11.KHTN.1) và **GV Đỗ Duy Thanh** (IS336.H12.1).

Dưới đây là tóm tắt mức điểm trung bình của GV ở học kỳ này so với học kỳ trước:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **HKI, 2016-2017** | | **HKII, 2015-2016** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Điểm tất cả các tiêu chí >=3.0 | 69 | 87.3% | 49 | 81.7% |
| 2 | Điểm tất cả các tiêu chí <3.0 | 0 | 0% | 1 | 1.7% |
| 3 | Điểm trung bình <3.0 | 3 | 3.8% | 4 | 6.7% |
| 4 | Điểm trung bình từ 3.0 đến dưới 3.5 | 48 | 57% | 39 | 65% |
| 5 | Điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0 | 31 | 39.2% | 17 | 28.3% |
| 6 | Điểm trung bình cao nhất | 3.9 | | 3.9 | |
| 7 | Điểm trung bình thấp nhất | 2.8 | | 2.7 | |

*Bảng 4. Tóm tắt mức điểm trung bình của GV*

* 1. **Ý kiến thêm**

Có 94 góp ý thêm (HKII, năm học 2015-2016: 108 ý kiến) về hoạt động giảng dạy của GV và một số vấn đề khác. Trong đó:

* Có 78 ý kiến cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn của GV tập trung tập trung thái độ và phương pháp giảng dạy của GV như: hướng dẫn nhiệt tình, dễ hiễu, thân thiện với SV,….
* Có 35 ý kiến mong muốn GV cần tương tác với SV nhiều hơn (qua email, điện thoại, facebook,…), hướng dẫn thực hành cụ thể hơn; tài liệu học tập hạn chế; số buổi thực hành ít; ít đồng bộ với môn học lý thuyết,…

Các góp ý về hoạt động giảng dạy của GV, xem chi tiết trong sheet “TH ý kiến các lớp>=50%”

**C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

1. **Kết luận**

Học kỳ I, năm học 2016-2017, phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng phòng DL&CNTT đã khảo sát và xử lý kết quả khảo sát thông qua mạng internet với 82/83 lớp học. 96.3% lớp có SV tham gia khảo sát trên 50%.

Hầu hết các tiêu chí nhận xét về môn học thực hành theo PT 2 hầu hết được đánh giá ở mức độ Tốt và Rất tốt với tỷ lệ trên 82%, không đổi so với tỷ lệ hài lòng của học kỳ trước. Ngoài ra, có 94 ý kiến đóng góp thêm của SV về những điều hài lòng/chưa hài lòng đối với môn học.

Đối với kết quả đánh giá đối với GV, điểm trung bình thấp nhất là 2.8 điểm và cao nhất là 3.9 điểm, 96.2% GV có điểm trung bình từ 3 điểm trở lên.

1. **Kiến nghị**

Để các học kỳ sau, hoạt động khảo sát có kết quả tốt hơn, SV tự nguyện tham gia khảo sát đông hơn, phòng TT-PC-ĐBCL khuyến nghị Nhà trường thực hiện những điều sau:

* Nhà trường xem xét lại các ý kiến của SV về những điều chưa hài lòng ở môn học thực hành theo PT 2 để có kế hoạch, giải pháp cải tiến chất lượng giảng dạy.
* GV tham khảo kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh, nâng cao hoạt động giảng dạy của mình để để nâng số lượng môn học được SV đánh giá tốt lên;
* Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông để SV hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khảo sát và tích cực tham gia, tham gia có trách nhiệm;
* Duy trì việc giải đáp các thắc mắc của SV, phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát đến toàn thể SV để SV biết được những ý kiến, đánh giá của mình đã được sử dụng và Nhà trường có cải tiến sau mỗi năm/học kỳ. Từ đó SV nhìn nhận, đánh giá ngày càng tốt hơn về Trường.
* Có hình thức khen thưởng, vinh danh các GV giảng dạy được SV đánh giá điểm cao và nhận xét tốt nhằm nhân rộng gương điển hình tạo động lực cho các GV khác học tập và noi theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHÒNG TT-PC-ĐBCL**  **PHỤ TRÁCH PHÒNG**  **(Đã ký)**  **Trịnh Thị Mỹ Hiền** |